

HƯỚNG HỢP TÁC MONG ĐỢI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC HÀN - VIỆT THỜI GIAN TỐI

Bae Yang Soo (*)

I. Lời dẫn

Về mặt địa lý, Việt Nam có vị trí thuận lợi trong việc tiếp cận các nền văn hoá Đông Nam Á, văn hoá Trung Quốc, văn hoá Ấn Độ và Việt Nam với các nước phương Tây nên có thể gọi đây là "đầu mối của sự giao lưu văn hoá đa dạng" [5, tr.63]. Với vai trò như một vùng của sự giao lưu văn hoá đa dạng này đã hình thành nên tính đa dạng của nền văn hoá Việt Nam.

Có thể gọi nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá được tạo nên bởi sự kết hợp giữa văn hoá lúa nước Đông Nam Á là căn bản với văn hoá ngoại lai, trong đó có nền văn hoá Trung Quốc lấy Nho giáo làm trung tâm, nền văn hoá Ấn Độ lấy Phật giáo làm căn bản và nền văn hoá Pháp phương tây. Có thể coi nền văn hoá Hàn Quốc cũng chịu ảnh hưởng chung của văn hoá Trung Quốc và văn hoá lúa nước nhỏ giống như văn hoá Việt Nam. Tất nhiên điều đó không có nghĩa là văn hoá lúa nước và những yếu tố của văn hoá Trung Quốc ở Việt Nam hoàn toàn giống ở Hàn Quốc (**).

Đặc biệt, trong một thời gian rất dài, do hai nước đều sử dụng chữ Hán làm văn tự chính để ghi chép nên không thể không chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Trung Quốc. Mặt khác, có thể nói, việc thực thi của chế độ khoa cử dựa vào kinh điển Nho giáo đã mở ra con đường hình thành rất nhiều nhà Nho và việc truyền bá, thi hành tam cương ngũ thường như tiêu chuẩn đạo

đức của Nho giáo đã ảnh hưởng rất sâu đậm đến nền văn hoá hai nước.

Bài viết này không có ý định tìm điểm tương đồng và điểm tương dị giữa văn hoá Hàn Quốc và văn hoá Việt Nam mà nó là một phần nhỏ của các nhà nghiên cứu văn hoá so sánh. Song nếu nói một cách tổng quát những vấn đề đã được nghiên cứu từ trước đến nay thì có thể khẳng định rằng, nền văn hoá Việt Nam có đặc điểm chung giữa nền văn hoá Đông Nam Á và nền văn hoá Đông Á.

Gần đây, tại Hàn Quốc đang rộ lên việc nghiên cứu về khu vực Đông Á. Trước khi Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao, không thấy Việt Nam được coi trọng trong việc nghiên cứu về Đông Á. Thế nhưng sau khi quan hệ Hàn - Việt được thiết lập thì trong "nghiên cứu Đông Á", "nghiên cứu khối văn hoá chữ Hán" dĩ nhiên đã bao gồm cả Việt Nam. Có thể cho rằng, công việc nghiên cứu này sẽ càng ngày càng sôi nổi hơn, song một loạt xu thế nghiên cứu như vậy chính là kết quả của sự giao lưu giữa các học giả, sự trao đổi học thuật lập đi lập lại do việc thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước Hàn - Việt.

II. Sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục

2.1. Khái quát về sự giao lưu trong lĩnh vực giáo dục, học thuật sau Đổi mới

Sau Đổi mới, sự giao lưu trong lĩnh vực giáo dục giữa Hàn Quốc - Việt Nam bắt đầu vào đầu năm 1991, trước khi có quan

(*) PGS.TS., Khoa Văn học Việt Nam, Đại học Ngoại ngữ Pusan, Hàn Quốc.

(**) Giáo sư Trần Ngọc Thêm nêu ra rất tỷ mỉ văn hoá lúa nước của Việt Nam và Trung Quốc khác nhau như thế nào. Theo đó, ông cho rằng văn hoá lúa nước Việt Nam là văn hoá lúa nước tĩnh còn Trung Quốc là văn hoá lúa nước động (Trần Ngọc Thêm 2001, tr.64-68).

hệ chính thức, 3 lưu học sinh của Hàn Quốc đã sang du học tại trường đại học Việt Nam bằng học phí tự túc.

Sau khi có quan hệ ngoại giao, nhiều doanh nhân Hàn Quốc đã tới Việt Nam, nhu cầu nhân lực biết Tiếng Việt trong số những người Hàn và nhu cầu nhân lực biết tiếng Hàn trong số người Việt tăng lên nhanh chóng và từ năm 1993 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội đã bắt đầu có giờ lên lớp tiếng Hàn. Mặt khác, đầu tư vào Việt Nam của Hàn Quốc tăng lên, số gia đình người Hàn sang sinh sống tại Việt Nam cũng tăng theo, yêu cầu giải quyết vấn đề học hành cho con cái họ ngày càng lớn. Song trong thời kỳ đầu, con cái của những người làm việc trong các Công ty lớn có thể tự lo được về vấn đề kinh tế đều đã nhập học tại trường Quốc tế nên vấn đề học sinh (từ cao đẳng trở xuống) của người Hàn sống tại Việt Nam đã không được chú ý đặc biệt.

Thế nhưng, số người Hàn sống tại Việt Nam tăng lên nhanh chóng đã làm xuất hiện trường hợp một số gia đình người Hàn phải gửi con em vào học tại trường học Việt Nam để giảm gánh nặng về kinh tế. Trong trường hợp này, học sinh người Hàn do tuổi còn non nớt nên trước khi thích nghi được với nền văn hoá Việt Nam, trước khi nắm bắt được ngôn ngữ Tiếng Việt ở mức độ cần thiết đã phải đối đầu với những xung đột văn hoá khi phải tiếp thu bài giảng trong trường học Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, trường học Hàn Quốc ở Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có đông người Hàn sinh sống nhất đã được thiết lập, vấn đề giáo dục đối với học sinh dưới cao đẳng người Hàn đã được giải quyết cơ bản. Trong một thời gian rất ngắn, việc thiết lập được trường học Hàn Quốc ở Thành

phố Hồ Chí Minh là do có sự nỗ lực của Chính phủ Hàn Quốc (như Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán) và sự hợp tác giúp đỡ của Chính phủ Việt Nam.

Từ sau Hội thảo học thuật quốc tế giữa 3 nước Hàn - Việt - Lào tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh năm 1993, giao lưu trong lĩnh vực học thuật đã mở các cuộc hội thảo nhiều lần tại Việt Nam hoặc tại Hàn Quốc hàng năm, có rất nhiều học giả hai nước tham gia. Các cuộc giao lưu học thuật trong các lĩnh vực rất phong phú, từ kinh tế, lịch sử, ngôn ngữ, văn học đến xã hội học được tiến hành có sự chi viện của nhà nước hoặc của các tổ chức khoa học. Và từ sau năm 1994 bằng chương trình fellowship nghiên cứu và học tiếng Hàn của Quỹ tài trợ giao lưu quốc tế và học sinh nhận học bổng của Chính phủ Hàn Quốc, rất nhiều nhà nghiên cứu và học sinh Việt Nam đã được sang học tập tại Hàn Quốc [1, tr. 66-67].

2.2. Phương hướng hợp tác trong lĩnh vực giáo dục

Theo thống kê của Bộ Giáo dục Tài nguyên con người Hàn Quốc (sau đây được gọi tắt là Bộ Giáo dục), 18 Trường Đại học và cơ quan nghiên cứu của Hàn Quốc cùng 15 Trường và Viện của Việt Nam đã ký 28 thoả thuận liên kết (Phòng quản lý hợp tác giáo dục Quốc tế, Bộ Giáo dục 2001).

Nếu nhìn lại 10 năm thiết lập quan hệ Hàn - Việt, có thể thấy con số ấy không nhỏ và những trường Đại học đã ký kết thoả thuận bao gồm đại đa số là các trường có tiếng tăm của Hàn Quốc và Việt Nam. Thế nhưng ta cần phải xem xét lại các cuộc giao lưu thực chất có phù hợp với những thoả thuận bằng văn bản hay chưa.

Giữa hai Bộ Giáo dục Hàn - Việt đã ký Nghị định trao đổi về giáo dục tháng 3 năm 2000 và đang xúc tiến việc giao lưu đoàn đại biểu 2 nước, trao đổi lưu học sinh nhận học bổng của nhà nước, giao lưu giữa các giảng viên và nhà nghiên cứu... Mặt khác trong thời gian này đối tượng hợp tác giao lưu của Bộ Giáo dục Hàn Quốc đã có sự thay đổi rất lớn ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương so với các quốc gia Âu Mỹ trước đây, chủ yếu là Mỹ và Anh. Đặc biệt, theo "Kế hoạch tổng hợp xúc tiến giao lưu giáo dục Châu Á - Thái Bình Dương" được thiết lập vào tháng 6 năm 1999 có mục đích mở rộng giao lưu với các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, các nước Đông Nam Á, nâng cao về chất trong giáo dục cao đẳng thông qua việc quốc tế hoá các cơ quan giáo dục cao đẳng, thoát khỏi ảnh hưởng nho học của các quốc gia đặc biệt, chuẩn bị cơ sở vật chất để tăng cường hợp tác quốc tế thông qua việc mở rộng giao lưu lưu học sinh với các quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Sự nghiệp này sẽ phát hiện và hỗ trợ những công việc trọng điểm, tạo ra sự giao lưu không mang tính hình thức mà là thực chất đối với học sinh và các nhà khoa học, xây dựng cơ chế chính sách thông thoáng như đơn giản hoá thủ tục xuất nhập cảnh cho lưu học sinh đi lại được tự do... [3].

Việc chi viện giúp đỡ lưu học sinh mà chính phủ 2 nước đang tiến hành cần phải nỗ lực theo hướng mở rộng hơn nữa cho đúng với sự phát triển quan hệ của 2 nước. Vấn đề mở rộng quỹ học bổng của nhà nước dù có nói bao nhiêu cũng là không quá. Thế nhưng công việc mà chính phủ đang chi viện thực tế cần hiểu là có giới hạn nhất định trong việc mở rộng phạm vi của nó. Chỉ cần chính phủ 2 nước quan tâm đến việc phân phối có hiệu quả quỹ học

bổng đã được xác định. Cụ thể, việc phân chia quỹ học bổng của nhà nước trước mắt là chưa nhiều nhưng cần phải chi viện những lĩnh vực có thể thu được những hiệu quả lâu dài bằng cách ưu tiên phân vào những ngành cần thiết. Những lĩnh vực hấp dẫn, theo quy luật của cung cầu dù không có sự chi viện của nhà nước cũng tìm ra được cách giải quyết trong từng bộ phận riêng. Nếu nhìn ở khía cạnh này có thể nói việc các trường Đại học quốc lập Hàn Quốc và Đại học Việt Nam tiến hành trao đổi được nằm trong công việc chi viện của nhà nước ở ý nghĩa rộng.

Thế nhưng ở Hàn Quốc, số trường Đại học tư nhân lại nhiều hơn rất nhiều số trường Đại học công lập, các trường Đại học tư nhân này dùng số tiền học phí làm nguồn chính để vận hành hoạt động của trường. Tất nhiên, một số các trường tư nhân cũng có dành một ít học bổng để dạy học sinh nước ngoài, nhưng sự giao lưu bằng phương thức này là rất thiếu sức thuyết phục trong việc đưa lại phúc lợi cho số đông do giới hạn của kinh phí.

Do đó, tôi muốn đưa ra phương án có thể mở rộng sự giao lưu sinh viên giữa các trường Đại học của Hàn Quốc và Việt Nam theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi xoay quanh kinh nghiệm của Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) Pusan sau đây.

2.3. Chế độ công nhận điểm học của nhau

Từ năm 2002 Trường ĐHNN Pusan bắt đầu thực thi quy chế học vị hai trường (Double Degree) với Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (ĐHKHXH & NV) Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại đã có 20 sinh viên của trường ĐHNN Pusan đang theo học tại Thành phố Hồ Chí Minh và 8 sinh viên của Trường Đại học KHXH & NV

Thành phố Hồ Chí Minh đang tu nghiệp tại DHNN Pusan.

Quy chế này là quy chế sinh viên 2 trường học 2 năm 4 học kỳ tại trường mình rồi lại sang học tiếp 2 năm 4 học kỳ tại trường kia. Sau đó, hai trường đều trao học vị cho mỗi sinh viên đó. Theo đó, chúng tôi đặt tên cho quy chế đó là "quy chế học vị hai trường". Song về mặt pháp luật có thể gọi đó là "Quy chế công nhận điểm học lẫn nhau". Để làm việc đó chúng tôi đã điều tra luật liên quan của 2 nước.

Điều 21 Luật giáo dục cao đẳng của Hàn Quốc đã mở đường cho việc hợp tác đào tạo với trường Đại học nước ngoài⁽¹⁾, điều 23 cho phép học sinh được tự bảo lưu điểm học mà mình đã đạt được ở trường khác⁽²⁾, và điều 31 mở cửa cho việc trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài, tất nhiên cả các trường khác trong nước với việc cho phép rút ngắn thời gian học⁽³⁾.

Tại điều 13 Pháp lệnh thi hành luật giáo dục cao đẳng đã đề ra cơ chế cho phép các trường trong nước hợp tác cùng đào tạo cử nhân chuyên ngành. Các học vị thạc sĩ, tiến sĩ với các trường đại học nước ngoài một cách rất cụ thể⁽⁴⁾. Điều 15 cho phép tổ

chức hợp tác đào tạo giáo dục bình đẳng ngang nhau bằng việc công nhận 1/2 số điểm mà sinh viên đạt được ở đại học nước ngoài nếu cần khi xét tốt nghiệp⁽⁵⁾. Mặt khác việc rút ngắn thời gian học tập cũng được quy định đã tạo ra cơ sở về mặt pháp lý cho việc hợp tác với đại học nước ngoài đào tạo các chuyên khoa Đại học và Sau Đại học⁽⁶⁾.

Mặt khác, trong "Quy chế về việc hợp tác giáo dục đào tạo giữa các trường Đại học của Hàn Quốc với Đại học nước ngoài" đã uỷ nhiệm cho trường chủ động ký kết hợp tác giáo dục đào tạo một cách cụ thể hơn⁽⁷⁾, và quy định việc công nhận điểm học lẫn nhau. Thế nhưng cũng quy định rằng các trường Đại học Hàn Quốc và nước ngoài không thể trao học vị bằng danh nghĩa chung⁽⁸⁾.

Tóm lại, trường Đại học Hàn Quốc có thể ký kết thoả thuận với trường Đại học nước ngoài (Đại học Việt Nam) để đào tạo sinh viên, khi tốt nghiệp nếu đạt được 1/2 số điểm cần thiết ở trường Việt Nam thì 1/2 số điểm còn lại nếu đạt được ở trường mình, trường Đại học Hàn Quốc có thể trao học vị cho sinh viên đó⁽⁹⁾.

⁽¹⁾ Điều 21 (Tổ chức hoạt động giáo dục) 1/ Nhà trường phải tổ chức mọi hoạt động giáo dục dựa vào quy chế của trường. Đối với mọi hoạt động có liên kết chung với đại học nước ngoài được quy định bằng pháp lệnh của tổng thống (Cải chính 31-8-1999). 2/ kết quả môn học phải đưa vào điểm bình quân và tổng số điểm, thời gian lên lớp cần thiết, điểm số... có quy định pháp lệnh Tổng thống (Cải chính 31-8-1999).

⁽²⁾ Điều 23 (Xác nhận điểm học) Trong phạm vi Pháp lệnh Tổng thống quy định điểm học mà học sinh đạt được ở trường khác ngoài trường của mình, nhà trường có thể công nhận làm điểm học cho học sinh đó dựa vào quy chế của trường.

⁽³⁾ Điều 31 (Thời gian học) 3/ Đối với người có điểm học cao theo quy định của trường bất kể quy định ở mục 1 và 2 đều có thể rút ngắn năm học dựa vào Pháp lệnh Tổng thống.

⁽⁴⁾ Điều 13 (Tham gia hợp tác giáo dục với đại học nước ngoài) Các trường đại học, đại học công nghiệp, đại học chuyên ngành được quyền tổ chức đào tạo các mục sau đây với đại học nước ngoài căn cứ theo điều 21, mục 1 của quy chế, theo quy định của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Tài nguyên con người

1/ Đại học công nghiệp. Các học vị cử nhân đại học và nghiên cứu viên cao học, tiến sĩ.
2/ Đại học chuyên ngành: Các học vị đại học chuyên ngành (Cải chính chuyên ngành 31-12-2000).

⁽⁵⁾ Điều 15 (Công nhận điểm học) Căn cứ theo điều 23 của quy chế, điểm học mà học sinh đạt được ở trường khác ngoài trường của mình sẽ được công nhận 1/2 khi cần xét tốt nghiệp. Trường hợp của học sinh dự bị và sinh viên sau đại học phạm vi áp dụng theo quy chế nhà trường.

⁽⁶⁾ Điều 26 (Rút ngắn thời gian học) 1/ Căn cứ theo điều 31 mục 3, thời gian học đại học (trừ sau đại học) có thể được rút ngắn xuống dưới 1 năm. 2/ Theo điều 31 mục 3, thời gian làm luận án sau đại học đối với học vị thạc sĩ, có thể được rút ngắn dưới 6 tháng, trường hợp làm cả 2 học vị được rút ngắn dưới 1 năm.

⁽⁷⁾ Điều 6 (Thoả thuận hợp tác đào tạo) Điều khoản về hợp tác đào tạo giữa trường đại học trong nước và nước ngoài căn cứ theo thoả ước ký kết.

⁽⁸⁾ Điều 7 (Công nhận điểm học lẫn nhau) 1/ Điểm số đạt được theo thoả thuận hợp tác giáo dục phải nằm trong thoả ước căn cứ theo điều 6 quy chế, được công nhận là điểm học ở đại học nước ngoài khi trường đó tham gia hợp tác đào tạo. 2/ Điều khoản về trao văn bằng học vị theo chương trình hợp tác đào tạo được quy định tại điều 115 luật Giáo dục đào tạo việc trao bằng học vị danh nghĩa chung của trường đại học trong nước và nước ngoài không được công nhận.

⁽⁹⁾ Điểm tốt nghiệp đa số các môn học ở Hàn Quốc là 140. Có trường hợp một số môn của Đại học Luật là 60 (Đại học Y khoa, Đại học Đông y... hệ 6 năm).

Theo Luật giáo dục của Việt Nam thì điều 94 có đề cập đến nguyên tắc cơ bản về việc hợp tác giáo dục với các trường Đại học nước ngoài. Tại điều 95 mục 1 quy định người nước ngoài có thể hợp tác với Việt Nam trong giảng dạy, tu nghiệp, nghiên cứu; mục 2 khuyến khích công dân Việt Nam đi du học nước ngoài và mục 3 có đề cập đến nội dung khuyến khích việc du học bằng học bổng của nhà nước Việt Nam. Tại điều 96 có quy định về việc đầu tư của người nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam và điều 97 mang nội dung Bộ Giáo dục Việt Nam công nhận học vị mà sinh viên nhận được ở nước ngoài [10].

Mặt khác, theo "Quy chế công tác lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam năm 1999" có hướng dẫn tỉ mỉ những vấn đề có liên quan đến người nước ngoài khi du học tại Việt Nam. Quy chế này quy định rõ ràng, lưu học sinh nước ngoài không chỉ có

nghĩa vụ và quyền lợi ngang bằng với sinh viên Việt Nam mà còn được quyền tự do lựa chọn ngành học trong trường hợp du học tự túc ⁽¹⁰⁾.

Như vậy, có thể nói rằng không có chế ước về mặt luật liên quan đến việc người nước ngoài du học tại Việt Nam. Thế nhưng điểm khác nhau về chế độ chấm điểm chính là hòn đá cản trở việc thực hiện quy chế học vị hai lần, nhưng theo Quyết định số 31 ban hành vào tháng 7 năm 2001 của Bộ Giáo dục Việt Nam thì vấn đề này có thể khắc phục được. Theo điều 2 của quyết định này, điểm tốt nghiệp của sinh viên hệ 4 năm là 140 điểm giống như quy định ở Hàn Quốc. Việt Nam đã mở đường cho trường hợp học sinh có thành tích học giỏi được phép tốt nghiệp trước 2 học kỳ [7]

Quy chế về điểm tốt nghiệp, tốt nghiệp trước và kéo dài đăng ký tốt nghiệp của trường Đại học Việt Nam.

Phân loại trường	Điểm nghiệp	Thời gian rút ngắn tối đa	Thời gian kéo dài tối đa
Hệ ĐH 4 năm	140	2 Học kỳ	4 Học kỳ
Hệ ĐH 5 năm	180	3 Học kỳ	5 Học kỳ
Hệ ĐH 6 năm	220	4 Học kỳ	6 Học kỳ
Hệ 3 năm chuyên	120	2 Học kỳ	3 Học kỳ

Chính phủ Việt Nam cũng đã ban hành quy chế dùng quỹ học bổng nhà nước để đào tạo sinh viên nước ngoài ⁽¹¹⁾, năm nay lần đầu tiên đã bố trí cho 3 sinh viên Hàn Quốc bằng học bổng của Nhà nước Việt Nam, hiện tại 3 sinh viên Hàn Quốc này đang thực tập ngôn ngữ tại Hà Nội. Điều này được đón nhận như một tin rất vui ở ý nghĩa là Chính phủ Việt Nam đang mở rộng nguyên tắc cũng hỗ trợ lẫn nhau.

Như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể thấy việc trao đổi sinh viên giữa Đại học Hàn Quốc và Việt Nam bằng hình thức du học tự túc là không có hạn chế về mặt pháp lý. Mặc dù vậy, số sinh viên có thể tham gia vào việc trao đổi như vậy lại không thể không có hạn. Vì rằng tất cả mọi chi phí đều do cá nhân học phải chịu.

Hiện tại, quy chế công nhận học vị mà Trường ĐHNN PuSan đang thực thi là học

⁽¹¹⁾ Thông tư liên bộ số 177/1998 TTLT/BTC - BGD - T ngày 25-12-1998 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và đào tạo - Việt Nam

⁽¹⁰⁾ Luật lưu học sinh tự túc.

sinh tự trả tiền đăng ký khi làm thủ tục nhập học cho trường, và không phải trả học phí cho trường du học. Thế nhưng tất cả cả mọi chi phí sinh hoạt thì cá nhân phải tự lo. Những học sinh của Trường ĐHNN Pusan đang học tại Trường ĐHKHXH & NV Thành phố Hồ Chí Minh đại đa số đều thuê phòng ở tự túc còn số học sinh của Trường ĐHKHXH & NV Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại PuSan thì ở ký túc xá của trường. Trường ĐHNN PuSan cắt giảm 10% phí ký túc xá cho sinh viên Việt Nam so với sinh viên Hàn Quốc.

2.4. Phương án mở rộng trao đổi sinh viên

Thế kỷ 21 được gọi là xã hội kinh tế dựa vào trí thức. Trong xã hội này, năng lực tìm kiếm, làm ra trí thức, tận dụng nó đang trở thành yếu tố quyết định sức mạnh, và chính nó trở thành cội nguồn cạnh tranh quốc gia. Do đó, chính sách ưu tiên tối đa của các quốc gia là phát triển nguồn tài nguyên con người. Sự cần thiết phải hợp tác và giao lưu trao đổi giáo dục ở phương diện này đang được mở rộng. Cùng chung chủ ý, Hàn Quốc và Việt Nam có mối quan hệ tương hỗ hơn cả mối quan hệ kinh tế vì vậy trong việc trao đổi giao lưu sinh viên khả năng hợp tác tương hỗ lẫn nhau cũng rất cao. Tôi xin đưa ra mấy phương án nhằm thúc đẩy việc giao lưu sinh viên giữa 2 nước.

Bằng visa lưu học sinh, trường hợp lưu trú ở Hàn Quốc có quá nhiều quy chế pháp lý không thể tìm được công việc, việc làm thêm cũng vô cùng hạn chế. Lưu học sinh Việt Nam vừa muốn học vừa lao động để giảm nhẹ nỗi lo về tài chính thì yếu tố này

lại bị lãng tránh. Cần lưu ý là Mỹ và Nhật Bản cho phép làm việc này trong thời gian hạn chế. Vấn đề này cần tham khảo ngay chính ở Việt Nam không hề có quy chế nào như vậy.

Một vấn đề nữa yêu cầu đặt ra là phải đơn giản hoá thủ tục xuất nhập cảnh cho lưu học sinh nước ngoài. Vào tháng 1 năm 2000, việc đơn giản hoá tờ khai báo lãnh nhân thân, giấy chứng nhận tài chính và "Những quy định về quản lý lưu học sinh nước ngoài" mà nội dung chủ yếu là đòi hỏi các loại giấy tờ chuẩn khi nhập học đã được điều chỉnh để giảm thiểu thủ tục xuất nhập cảnh cho lưu học sinh. Bất luận điều đó, khi áp dụng những quy định này đối với lưu học sinh Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn. Lưu học sinh phải xuất trình bản sao giấy chứng nhận tài khoản 10.000 Dollar gửi ngân hàng, nhưng đây là một gánh nặng đối với học sinh Việt Nam. Vừa qua, lưu học sinh Việt Nam đến học tại Trường ĐHNN PuSan đã được Trường KHXH & NV Thành phố Hồ Chí Minh bảo lãnh toàn bộ về tài chính nên vấn đề này đã được giải quyết một cách nhẹ nhàng.

Việc mời sinh viên nước ngoài được nhận học bổng của Nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 1967, đến năm 1999 đã có kết quả là 607 học sinh ở 79 nước. Việc giao lưu sinh viên nhận học bổng trung thành với nguyên tắc mở rộng quy mô học bổng và quan tâm đến nhau cần được phát triển, một mặt tăng tỷ trọng cho lưu học sinh các nước Đông Nam Á, đặc biệt với Việt Nam; mặt khác, thông qua việc phân bố số lưu học sinh được nhận học bổng cho các trường ở địa phương là việc cần thiết để

thúc đẩy quốc tế hoá các trường đại học địa phương.

III. Thay lời kết

Thế kỷ 21 là xã hội tri thức, nền công nghiệp văn hoá, nền công nghiệp thông tin liên lạc, là thế giới được thu nhỏ như một nhà... đang trở thành câu nói của miệng của mọi người. Để đáp ứng xu thế này và đi trước nó, việc đào tạo nhân tài là quan trọng hơn hết thảy. Hiện nay, việc đào tạo nhân tài càng ngày càng đòi hỏi cần phải thông qua sự hợp tác giúp đỡ quốc tế mới thành công.

Việc giao lưu trao đổi trong lĩnh vực giáo dục mong muốn được mở rộng, đẩy

manh hơn nữa công tác giao lưu và chi viện cho lưu học sinh mỗi bên bằng nguồn vốn nhà nước trên cơ sở hiện tại đang thực hiện, đồng thời đòi hỏi phải có chế độ để sinh viên Hàn Quốc và sinh viên Việt Nam giao lưu nhiều hơn nữa, có chính sách chi viện, mở rộng hơn cho lưu học sinh 2 nước du học tự túc.

Đến nay, hai nước Hàn Quốc và Việt Nam đã xác nhận "Mối quan hệ người bạn đồng hành toàn diện" tháng 8 năm 2001. Có thể thấy rằng để củng cố hơn nữa mối quan hệ người bạn đồng hành toàn diện đúng với thoả thuận này của 2 nước, sự cần thiết phải đẩy mạnh việc giao lưu trong lĩnh vực văn hoá giáo dục là rất lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Ngoại giao, *Giới thiệu Việt Nam*, sách hành chính, Hàn Quốc, 1998
2. Bộ Giáo dục, *Quy chế điều hành chung về chương trình đào tạo với các trường đại học nước ngoài*, Hàn Quốc, Số 1997 - 4(4/3/1997)
3. Park Kyeong Jae, *Chiến lược và kế hoạch xúc tiến hợp tác quốc tế về giáo dục*, Tập phát biểu seminar về Sự hợp tác quốc tế giáo dục vì sự phát triển giáo dục thế kỷ 21, Viện khai thác giáo dục Hàn Quốc, 2000
4. Tổng thống, *Lệnh thi hành Luật Giáo dục*, Lệnh Tổng thống số 15665 & sửa đổi bổ sung số 16196, 1999
5. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001
6. Thông tư liên tịch số 177/1998/TTLT/BTC-BGD-ĐT ngày 25-12-1998 của Bộ Tài Chính và Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng cho lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam
7. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2001
8. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT, Ban hành "Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam", Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 1999
9. Quốc Hội, *Luật giáo dục cao đẳng*, luật số 5439, sửa đổi bổ sung luật số 6006, Hàn Quốc, 1999
10. Quốc hội Việt Nam, *Luật Giáo dục*, 1998.

DIRECTIONS OF EDUCATIONAL COOPERATION BETWEEN VIETNAM AND KOREA IN THE UPCOMING TIME

Assoc. Prof. Dr. Bae Yang Soo

After established diplomatic relations with Vietnam in Dec. 1992, educational cooperation between Korea and Vietnam is developing day by day. The point of this article is searching "Directions of educational cooperation between Vietnam and Korea in the upcoming time". In order to reach the goal, at first, I scanned relationship in Education and Cultural cooperation of both country before 2002. And then I propose "Credit cross registration system" for more developing educational cooperation between Vietnamese University and Korean University in the upcoming time.

In order to encourage Credit cross registration system, Korean government must be deregulate some legal system such as part-time job permission, simplified immigration procedure...etc.